



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2024 - 2025  
Tuần 15: từ ngày 18/11/2024 đến ngày 24/11/2024

| THỨ<br>LỚP                     | Thứ 2 | Thứ 3                                           | Thứ 4                          | Thứ 5                        | Thứ 6                                                                          |
|--------------------------------|-------|-------------------------------------------------|--------------------------------|------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
| CÁC LỚP CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY  |       |                                                 |                                |                              |                                                                                |
| K9-DVTV<br>P.304               | Sáng  |                                                 |                                |                              | Bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng khởi nghiệp<br>cho học sinh, sinh viên (P.A302) |
|                                | Chiều | Sinh hoạt lớp<br>VSV học thú y (Duyên) 3        | GPSL vật nuôi (H.Nga) 4        |                              |                                                                                |
| K10-DVTV<br>P.305              | Sáng  |                                                 |                                |                              |                                                                                |
|                                | Chiều | Sinh hoạt lớp<br>Giống vật nuôi (H.Nga) 3       | Dược lý TY (Lệ) 4              | Bảo vệ môi trường (Hoà) 4    | GPSL vật nuôi (Hàng) 2                                                         |
| K10-KHCT<br>P.304              | Sáng  | Sinh hoạt lớp<br>Phân bón (Huệ) 3               | GDTC (Thủy) 4                  | Sinh lý TV (Huyền) 3         | Phân bón (Huệ) 4                                                               |
|                                | Chiều |                                                 |                                |                              | GD Chính trị (Quế) (P.101) 2<br>Pháp luật (Huyền) (P.101) 2                    |
| K9-KTDN<br>K10-KTDN<br>P.303   | Sáng  | Sinh hoạt lớp<br>Kinh tế vi mô (Thủy) (P.306) 3 | Nguyên lý Marketing (Sơn) 4    | Kinh tế chính trị (Quế) 3    | Phân tích HĐKD (Nga) 4                                                         |
|                                | Chiều |                                                 | Kinh tế chính trị (Quế) 4      | Soạn thảo VB (Mai) 4         | Lý thuyết TCTT (P.Thảo) 4                                                      |
| CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY |       |                                                 |                                |                              |                                                                                |
| TT63A1<br>P.203                | Sáng  | Cây dược liệu (Bình) 4                          | Bệnh cây chuyên khoa (Hương) 4 | Phòng trừ dịch hại (Triệu) 3 | Bệnh cây chuyên khoa (Hương) 4                                                 |
|                                | Chiều |                                                 |                                |                              | Khí tượng NN (Lịch) 4                                                          |
| CNTY63A3<br>P.A303             | Sáng  | Sinh hoạt lớp<br>KTNPTB cho gà vịt (Duyên) 3    | KTNPTB cho lợn (Quyên) 4       | Luật TY (Nga) 3              | KTNPTB cho lợn (Quyên) 4                                                       |
|                                | Chiều |                                                 |                                |                              | KTNPTB cho gà vịt (Duyên) (P.204) 4<br>KTNPTB cho chó mèo (Lệ) (P.204) 4       |
| CNTY63A4<br>P.205              | Sáng  | Sinh hoạt lớp<br>KTNPTB cho gà vịt (Hoà) 3      | Ký sinh trùng TY (Phượng) 4    | KTNPTB cho lợn (Hưng) 3      | KTNPTB cho lợn (Hưng) 4                                                        |
|                                | Chiều |                                                 |                                |                              | Ký sinh trùng TY (Phượng) 4                                                    |

|                    |       |                                                    |                                 |                                 |                                                                                |                                             |  |  |
|--------------------|-------|----------------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|--|--|
| KTDN63A<br>P.204   | Sáng  |                                                    | Kế toán NSXP (Hoa) 4            | KTDN 2 (Dung) 3                 | Bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng khởi nghiệp<br>cho học sinh, sinh viên (P.A301) |                                             |  |  |
|                    | Chiều | Sinh hoạt lớp 1<br>THKT DNSX (T.Thảo) 3            |                                 |                                 |                                                                                |                                             |  |  |
| CNTT63A1<br>P.TH   | Sáng  |                                                    |                                 |                                 | Bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng khởi nghiệp<br>cho học sinh, sinh viên (P.A301) |                                             |  |  |
|                    | Chiều | Sinh hoạt lớp 1<br>Lắp ráp và bảo trì MT (Quang) 3 | Lắp ráp và bảo trì MT (Quang) 4 | Lắp ráp và bảo trì MT (Quang) 3 |                                                                                |                                             |  |  |
| CNTT63A2<br>P.TH   | Sáng  |                                                    |                                 |                                 |                                                                                |                                             |  |  |
|                    | Chiều |                                                    |                                 |                                 | Sinh hoạt lớp 1<br>Lắp ráp và bảo trì MT (Quang) 3                             | Lắp ráp và bảo trì MT (Quang) 4             |  |  |
| TT64A1<br>P.101    | Sáng  | Sinh hoạt lớp 1<br>Sinh lý TV (Huyền) 3            | GDTC (Thủy) 4                   | Đất và phân bón (Hương) 3       | Giống cây trồng (Huyền) 4                                                      | GD Chính trị (Quế) 2<br>Pháp luật (Huyền) 2 |  |  |
|                    | Chiều |                                                    |                                 |                                 |                                                                                | Giống cây trồng (Huyền) 4                   |  |  |
| CNTY64A1<br>P.102  | Sáng  | Sinh hoạt lớp 1<br>Giáo dục QP-AN (Mạnh) 3         | Giáo dục QP-AN (Mạnh) 4         | Giáo dục QP-AN (Mạnh) 3         | Bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng khởi nghiệp<br>cho học sinh, sinh viên (P.A303) |                                             |  |  |
|                    | Chiều |                                                    |                                 |                                 |                                                                                |                                             |  |  |
| CNTY64A3<br>P.202  | Sáng  | Sinh hoạt lớp 1<br>Tiếng anh (Linh) 3              | GDTC (Hội) 4                    | GPSL vật nuôi (Hằng) 3          | Bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng khởi nghiệp<br>cho học sinh, sinh viên (P.A303) |                                             |  |  |
|                    | Chiều |                                                    |                                 |                                 |                                                                                |                                             |  |  |
| KTDN64A1<br>P.103  | Sáng  | Sinh hoạt lớp 1<br>Nguyên lý thống kê (Hoa) 3      | Lý thuyết KT (P.Thảo) 4         | Kinh tế vi mô (Thủy) 3          | GD chính trị (Tài) 4                                                           | Tiếng anh (K.Nhung) 4                       |  |  |
|                    | Chiều |                                                    |                                 |                                 | Kinh tế chính trị (Quế) 4                                                      | GD chính trị (Tài) 4                        |  |  |
| KTDN64A2<br>P.306  | Sáng  | Sinh hoạt lớp 1<br>Kinh tế vi mô (Thủy) 3          | Tiếng anh (Linh) 4              | Lý thuyết kế toán (P.Thảo) 3    | Bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng khởi nghiệp<br>cho học sinh, sinh viên (P.A302) |                                             |  |  |
|                    | Chiều |                                                    |                                 |                                 |                                                                                |                                             |  |  |
| CNTT64A1<br>P.305  | Sáng  | Sinh hoạt lớp 1<br>Cơ sở dữ liệu (Trường) 3        | Cơ sở dữ liệu (Trường) 4        | Kỹ năng mềm (Sơn) 3             | GD chính trị (Quế) 4                                                           | Tin học văn phòng (Hà) 4                    |  |  |
|                    | Chiều |                                                    |                                 |                                 | Tiếng anh (K.Nhung) 2                                                          | Tiếng anh (K.Nhung) 4                       |  |  |
| CNTT64A2<br>P.A202 | Sáng  | Sinh hoạt lớp 1<br>Kỹ năng mềm (Sơn) 3             | Bảng tính Excel (Thảo) 4        | Tiếng anh (Phiên) 3             | Cơ sở dữ liệu (Trường) 4                                                       | Tiếng anh (Phiên) 2<br>GD Chính trị (Quế) 2 |  |  |
|                    | Chiều |                                                    |                                 |                                 | Bảng tính Excel (Thảo) 4                                                       | Bảng tính Excel (Thảo) 4                    |  |  |
| ĐCN63A1<br>P.A102  | Sáng  |                                                    |                                 |                                 |                                                                                |                                             |  |  |
|                    | Chiều | Sinh hoạt lớp 1<br>Trang bị điện (Đ.Đức) 3         | Kỹ thuật điện tử (Dương) 4      |                                 | Kỹ thuật điện tử (Dương) 4                                                     | Trang bị điện (Đ.Đức) 4                     |  |  |

|                   |       |                                      |        |                                                           |        |                                                                    |                                                                      |
|-------------------|-------|--------------------------------------|--------|-----------------------------------------------------------|--------|--------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|
| ĐCN63A2<br>P.A103 | Sáng  |                                      |        |                                                           |        |                                                                    |                                                                      |
|                   | Chiều | Sinh hoạt lớp<br>KT điện tử (Giáp)   | 1<br>3 | KT điện tử (Giáp)                                         | 4      | Trang bị điện (Nga)                                                | 4 KT điện tử (Giáp) 4                                                |
| ĐCN64A1<br>P.A102 | Sáng  | Sinh hoạt lớp<br>Vật liệu điện (Nga) | 1<br>3 | GD Chính trị (Quế) (P.A202)<br>Pháp luật (Huyền) (P.A202) | 2<br>2 | Mạch điện (Huyền)<br>GDTC (Thủy)<br>Pháp luật (Huyền) (P.A202)     | 3<br>2<br>2 Mạch điện (Huyền) 4                                      |
|                   | Chiều |                                      |        |                                                           |        |                                                                    |                                                                      |
| ĐCN64A2<br>P.A103 | Sáng  | Sinh hoạt lớp<br>GDTC (Hội)          | 1<br>3 | Vật liệu điện (Huân)                                      | 4      | An toàn điện (Tuấn)                                                | 3 Mạch điện (Huyền) 4 GD chính trị (Tài) (P.305) 4                   |
|                   | Chiều |                                      |        |                                                           |        |                                                                    |                                                                      |
| ĐCN64A3<br>P.A301 | Sáng  | Sinh hoạt lớp<br>Vẽ KT điện (N.Đức)  | 1<br>3 | Tin học (Thoa)                                            | 4      | Vẽ KT điện (N.Đức)                                                 | 3 Mạch điện (A.Đức) (P.A102) 4 Mạch điện (A.Đức) (P.A103) 4          |
|                   | Chiều |                                      |        |                                                           |        |                                                                    |                                                                      |
| ĐCN 63B           | Sáng  |                                      |        |                                                           |        | Bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng khởi nghiệp cho học sinh, sinh viên |                                                                      |
|                   | Chiều | Kỹ thuật điện tử (Dương)             | 4      | Trang bị điện (Nga)                                       | 4      |                                                                    |                                                                      |
| ĐCN64B            | Sáng  | Vật liệu điện (Huân)                 | 4      | An toàn điện (Hoà)                                        | 4      | Tiếng anh (T.Nhung)                                                | 3 Bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng khởi nghiệp cho học sinh, sinh viên |
|                   | Chiều |                                      |        |                                                           |        |                                                                    |                                                                      |
| TL63              | Sáng  |                                      |        |                                                           |        | Bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng khởi nghiệp cho học sinh, sinh viên |                                                                      |
|                   | Chiều | QLVH kênh và CT trên kênh (Huyền)    | 4      | Cơ học kết cấu (Hoà)                                      | 4      |                                                                    |                                                                      |
| TL64              | Sáng  | Cơ kỹ thuật (Huyền)                  | 4      | Cơ kỹ thuật (Huyền)                                       | 4      | Tiếng anh (T.Nhung)                                                | 3 Bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng khởi nghiệp cho học sinh, sinh viên |
|                   | Chiều |                                      |        |                                                           |        |                                                                    |                                                                      |
| KTDN63B           | Sáng  |                                      |        |                                                           |        | Bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng khởi nghiệp cho học sinh, sinh viên |                                                                      |
|                   | Chiều | Tin học kế toán (Mai)                | 4      | KTDN 2 (T.Thảo)                                           | 4      |                                                                    |                                                                      |
| KTDN64B           | Sáng  | Kỹ năng mềm (Dung)                   | 4      | Nguyên lý TK (Mai)                                        | 4      | Tiếng anh (T.Nhung)                                                | 3 Bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng khởi nghiệp cho học sinh, sinh viên |
|                   | Chiều |                                      |        |                                                           |        |                                                                    |                                                                      |
| CBBQ63            | Sáng  |                                      |        |                                                           |        | Bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng khởi nghiệp cho học sinh, sinh viên |                                                                      |
|                   | Chiều | CB nước mắm (Liên)                   | 4      | KT điện tử (Năm)                                          | 4      |                                                                    |                                                                      |

|                                              |       |                                 |   |                              |                       |                     |                           |                                                                       |
|----------------------------------------------|-------|---------------------------------|---|------------------------------|-----------------------|---------------------|---------------------------|-----------------------------------------------------------------------|
| CBBQ64                                       | Sáng  | Hoá sinh học TP (Năm)           | 4 | Vi sinh vật TP (Liên)        | 4                     | Tiếng anh (T.Nhung) | 3                         | Bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng khởi nghiệp<br>cho học sinh, sinh viên |
|                                              | Chiều |                                 |   |                              |                       |                     |                           |                                                                       |
| KTMTT64                                      | Sáng  | An toàn và TCLĐ (Ánh)           | 4 | Dung sai và KT đo (Tiến)     | 4                     | Tiếng anh (T.Nhung) | 3                         | Bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng khởi nghiệp<br>cho học sinh, sinh viên |
|                                              | Chiều |                                 |   |                              |                       |                     |                           |                                                                       |
| KTMTT63                                      | Sáng  |                                 |   |                              |                       |                     |                           | Bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng khởi nghiệp<br>cho học sinh, sinh viên |
|                                              | Chiều | Khai thác nổi hơi TT<br>(Bình)  | 4 | VHCBHĐL chính D.TT<br>(Đồng) | 4                     |                     |                           |                                                                       |
| ĐKTB63                                       | Sáng  |                                 |   |                              |                       |                     |                           | Bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng khởi nghiệp<br>cho học sinh, sinh viên |
|                                              | Chiều | Bảo vệ môi trường biển<br>(Ánh) | 4 | Thủy nghiệp (Tiến)           | 4                     |                     |                           |                                                                       |
| NTTS64                                       | Sáng  | Ngư loại (Liên)                 | 4 | Thủy sinh vật (Ánh)          | 4                     | Tiếng anh (T.Nhung) | 3                         | Bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng khởi nghiệp<br>cho học sinh, sinh viên |
|                                              | Chiều |                                 |   |                              |                       |                     |                           |                                                                       |
| CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY HỌC CUỐI TUẦN |       |                                 |   |                              |                       |                     |                           |                                                                       |
| THỨ<br>LỚP                                   |       | Thứ 6                           |   |                              | Thứ 7                 |                     | Chủ nhật                  |                                                                       |
| TT63A2<br>TT64A3<br>P.101                    | Sáng  |                                 |   |                              | Sinh hoạt lớp         | 1                   | Khí tượng NN (Huyền)      | 4                                                                     |
|                                              | Chiều |                                 |   |                              | Cây dược liệu (Huệ)   | 4                   | Bệnh cây CK (Bình)        | 4                                                                     |
| TT64A2                                       | Sáng  |                                 |   |                              | Tin học (Trường)      | 4                   | Tin học (Trường)          | 4                                                                     |
|                                              | Chiều |                                 |   |                              | Tin học (Trường)      | 4                   | Tin học (Trường)          | 4                                                                     |
| CN63A2<br>CN64A2<br>P.102                    | Sáng  |                                 |   |                              | Sinh hoạt lớp         | 1                   | KTNPTB cho trâu bò        | 4                                                                     |
|                                              | Chiều | Luật thú y (Nga)                | 4 |                              | CD và ĐTH Thú y (Vân) | 4                   | (Hung)                    |                                                                       |
|                                              |       |                                 |   |                              | CD và ĐTH Thú y (Vân) | 4                   | KTNPTB cho trâu bò (Hung) | 4                                                                     |

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đoàn Văn Lưu



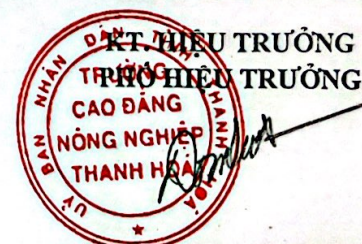
LÝ BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA  
TRƯỞNG CAO ĐẲNG NÔNG NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2024 - 2025**  
**CÁC LỚP HỌC CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**  
**Tuần 15: từ ngày 18/11/2024 đến ngày 24/11/2024**

| THỨ<br>LỚP       |       | Thứ 2                                   | Thứ 3                                   | Thứ 4                     | Thứ 5                                                                 | Thứ 6                          |
|------------------|-------|-----------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------|-----------------------------------------------------------------------|--------------------------------|
| VH62B3<br>P.201  | Sáng  | HDTN (Phượng) 1<br>Toán (Nhưng) 3       | Ngữ văn (Hằng) 4<br>(Ôn tập)            | Vật lý (Hoà) 3            | Lịch sử (Dự) 4<br>(Ôn tập)                                            | Ngữ văn (Hằng) 4<br>(Ôn tập)   |
|                  | Chiều |                                         | Địa lý (Thủy) 4                         |                           | GDKT và PL (Quyên) 4                                                  |                                |
| VH62B4           | Sáng  | Ngữ văn (Hằng) 4<br>(Ôn tập)            | Toán (Nhưng) 4<br>(Ôn tập)              | CĐLC GDKT và PL (Quyên) 3 | Bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng khởi nghiệp<br>cho học sinh, sinh viên |                                |
|                  | Chiều |                                         | Ngữ văn (Hằng) 4<br>(Ôn tập)            |                           |                                                                       |                                |
| VH62B5<br>P.104  | Sáng  | HDTN (Quý) 1<br>Ngữ văn (Hằng) 3        | Toán (Quý) 2<br>Địa lý (Ngọc) 2         | Ngữ văn (Hằng) 3          | Địa lý (Ngọc) 4<br>(Ôn tập)                                           | Lịch sử (Dự) 2<br>Toán (Quý) 2 |
|                  | Chiều |                                         | Toán (Quý) 4<br>(Ôn tập)                |                           | Ngữ văn (Hằng) 4<br>(Ôn tập)                                          |                                |
| VH63B1           | Sáng  | Địa lý (Thủy) 2<br>CĐLC Địa lý (Thủy) 2 | Hóa học (Vân) 2<br>Vật lý (Hoà) 2       | Toán (Nhưng) 3            |                                                                       |                                |
|                  | Chiều |                                         |                                         |                           |                                                                       |                                |
| VH63B5<br>P.A101 | Sáng  | HDTN (Quế) 1<br>CĐLC Ngữ văn (Hương) 3  | Hóa học (Hà) 2<br>Lịch sử (Dự) 2        | CĐLC Lịch sử (Dự) 3       | Địa lý (Thủy) 2<br>CĐLC Địa lý (Thủy) 2                               | Toán (P.Anh) 4                 |
| VH63B6<br>P.302  | Sáng  | HDTN (Hoà) 1<br>Vật lý (Hoà) 3          | Toán (Quý) 2<br>GDKT và PL (Quế) 2      | Hóa học (Vân) 3           |                                                                       |                                |
| VH63B7<br>P.301  | Sáng  | HDTN (Nga) 1<br>Toán (Quý) 3            | CĐLC Lịch sử (Dự) 2<br>Ngữ văn (H.Hà) 2 | CĐLC Ngữ văn (H.Hà) 3     |                                                                       |                                |
| VH63B8<br>P.204  | Sáng  | HDTN (K.Nhung) 1<br>Sinh học (Phượng) 3 |                                         |                           |                                                                       |                                |
|                  | Chiều |                                         | Ngữ văn (Tâm) 4                         |                           |                                                                       |                                |

|                  |       |                                  |        |                                         |        |  |                                                     |        |                              |
|------------------|-------|----------------------------------|--------|-----------------------------------------|--------|--|-----------------------------------------------------|--------|------------------------------|
| VH63B3<br>P.203  | Chiều | HDTN (Hà)<br>Ngữ văn (Hương)     | 1<br>3 | GDKT và PL (Quyên)<br>CDLC Lịch sử (Dự) | 2<br>2 |  | CDLC Địa lý (Chung)<br>Sinh học (Phượng)            | 2<br>2 |                              |
| VH63B4<br>P.205  | Chiều | HDTN (Dự)<br>Toán (Nhưng)        | 1<br>3 | CDLC Ngữ văn (H.Hà)<br>Hoá học (Vân)    | 2<br>2 |  | Sinh học (Phượng)<br>Địa lý (Chung)                 | 2<br>2 |                              |
| VH64B1           | Chiều | HDTN (Hằng)<br>Ngữ văn (Hằng)    | 1<br>3 | Hoá học (Hà)<br>Toán (Hương)            | 2<br>2 |  |                                                     |        |                              |
| VH64B2<br>P.101  | Chiều | HDTN (Nga)<br>Ngữ văn (H.Hà)     | 1<br>3 | Toán (Nhưng)                            | 4      |  | Sinh học (Hồng)<br>Hoá học (Vân)                    | 2<br>2 |                              |
| VH64B3<br>P.A202 | Chiều | HDTN (Hà)<br>GDKT và PL (Quyên)  | 1<br>3 | Hoá học (Vân)<br>Vật lý (Hoà)           | 2<br>2 |  |                                                     |        |                              |
| VH64B4<br>P.A101 | Chiều | HDTN (Nga)<br>Toán (P.Anh)       | 1<br>3 | GDKT và PL (Đ.Thuý)<br>Lịch sử (Giang)  | 2<br>2 |  | Hoá học (Hà)<br>CD GDKT và PL (Tài)                 | 2<br>2 | Hoá học (Hà)<br>Vật lý (Vân) |
| VH64B5<br>P.A301 | Chiều | HDTN (Hoà)<br>Vật lý (Hoà)       | 1<br>3 | Vật lý (Hoà)<br>GDKT và PL (Quyên)      | 2<br>2 |  | CDLC Vật lý (Hoà) (P.A202)<br>Hoá học (Hà) (P.A202) | 2<br>2 | Ngữ văn (Lý)<br>(P.A202)     |
| VH64B6<br>P.103  | Chiều | HDTN (H.Hà)<br>Sinh học (Phượng) | 1<br>3 | Lịch sử (Giang)<br>Ngữ văn (H.Hà)       | 2<br>2 |  |                                                     |        |                              |
| VH64B7<br>P.306  | Chiều | CDLC Địa lý (Chung)              | 4      | HDTN (Linh)<br>CDLC Ngữ văn (Hằng)      | 1<br>3 |  |                                                     |        |                              |
| VH64B8<br>P.102  | Chiều | HDTN (Phiên)<br>Hoá học (Vân)    | 1<br>3 | GDKT và PL (Nga)<br>Sinh học (Hồng)     | 2<br>2 |  |                                                     |        |                              |



Đoàn Văn Lưu